

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vân Văn Kiều; Ông Ngô Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 211/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Chang Ngọc T**, sinh năm: 1997, địa chỉ: **Bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu**, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Chang Văn L**, sinh năm: 1997, địa chỉ: **Bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu**, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Chang Ngọc T** trình bày:*

Chị **Chang Ngọc T** và anh **C Văn L** là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 14/11/2018, chị **T** và anh **L** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B, huyện P, tỉnh Lai Châu**. Chị **T** và anh **L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống, chị **T** và anh **L** thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị **T** và anh **L** đã sống ly thân từ năm 2019 đến

nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không liên lạc với nhau. Hiện nay, chị **T** không còn tình cảm với anh **L** nữa, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T** được ly hôn với anh **L**.

Về con chung: Chị **Chang Ngọc T** và anh **Chang Văn L** và có 03 con chung là các cháu: **Chang Thị U**, sinh ngày 10/7/2017; **Chang Quốc Đ**, **Chang Quốc N**, đều sinh ngày 03/11/2019. Từ khi chị **T**, anh **L** sống ly thân thì các cháu ở cùng với anh **L** và mẹ đẻ của anh **L**, được anh **L** và mẹ của anh **L** quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, do chị **T** không có đủ điều kiện để nuôi con, anh **L** có nguyện vọng được nuôi con nên chị **T** đồng ý giao các cháu cho anh **L** là người trực tiếp nuôi. Chị **T** thực hiện cấp dưỡng nuôi con, số tiền cấp dưỡng là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Chang Ngọc T** và anh **Chang Văn L** không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai của bị đơn là anh **Chang Văn L** trong quá trình giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con, bị đơn trình bày đúng như lời khai của nguyên đơn. Anh **L** nhất trí ly hôn với chị **T**. Về con chung, anh **L** có nguyện vọng được nuôi các con và yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con, số tiền cấp dưỡng là 50.000.000 đồng. Anh **L** không có yêu cầu phản tố. Tại phiên hòa giải, anh **L** vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án, xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị **T**, anh **L** và điều kiện nuôi con của chị **T**, anh **L** đúng như lời khai của chị **T**.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Chang Ngọc T**, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị **Chang Ngọc T** được ly hôn với anh **Chang Văn L**. Về con chung: Giao các cháu **Chang Thị U**, **Chang Quốc Đ**, **Chang Quốc N**, cho anh **Chang Văn L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung, buộc chị **Chang Ngọc T** thực hiện cấp dưỡng nuôi con, số tiền cấp dưỡng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị **Chang Ngọc T** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị **T** và bị đơn là anh **Chang Văn L**. Anh **L** cư trú tại **bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu**. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Chang Ngọc T** và anh **Chang Văn L** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B, huyện P, tỉnh Lai Châu** theo đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị **T** và anh **L** thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ, thông cảm cho nhau. Từ năm 2019 đến nay, chị **T** và anh **L** sống ly thân, anh chị không còn có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện nay, chị **T** không còn tình cảm với anh **L** nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **L**. Anh **L** cũng nhất trí ly hôn với chị **T**. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, anh **L** vắng mặt nên không hòa giải được. Giữa chị **T** và anh **L** không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T**, giải quyết cho chị **T** được ly hôn với anh **L** theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **Chang Ngọc T** và anh **Chang Văn L** và có 03 con chung là các cháu: **Chang Thị U, Chang Quốc Đ, Chang Quốc N**. Từ khi chị **T**, anh **L** sống ly thân, các cháu sống cùng với anh **L** và mẹ đẻ của anh **L**, được anh **L** và mẹ đẻ của anh **L** quan tâm, chăm sóc. Hiện nay, anh **L** có đủ khả năng nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và có mẹ đẻ thường xuyên quan tâm, hỗ trợ anh chăm sóc, giáo dục con. Chị **T** không có đủ điều kiện để nuôi con, chị **T** nhất trí giao các cháu cho anh **L** trực tiếp nuôi. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu **U, Đ, Nguyễn** cho anh **L** là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **T** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Chang V** Lềng yêu cầu chị **Chang Ngọc T** cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền cấp dưỡng là 50.000.000 đồng. Chị **T** nhất trí cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh **L**. Xét thấy mức cấp dưỡng mà anh **L** yêu cầu là cần thiết và phù hợp với điều kiện, khả năng cấp dưỡng của chị **T** nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị **Chang Ngọc T** và anh **Chang V** Lềng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Chang Ngọc T** được ly hôn với anh **Chang Văn L**.

- Về con chung: Giao các cháu **Chang Thị U**, sinh ngày 10/7/2017; **Chang Quốc Đ**, **Chang Quốc N**, đều sinh ngày 03/11/2019, cho anh **Chang V** Lềng trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị **Chang Ngọc T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, số tiền cấp dưỡng là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản: Chị **Chang Ngọc T** và anh **Chang V** Lêng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Chang Ngọc T** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh